

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN**

Số: **50** /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Lý Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị trợ cấp tiền mua và vận chuyển
nước ngọt và sạch theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP**

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; theo quy định tại Điều 7 Nghị định này cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa được trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch để phục vụ nhu cầu sinh hoạt.

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025, trong đó có huyện Lý Sơn, do điều kiện huyện đảo và biến đổi khí hậu nguồn nước ngọt trên địa bàn huyện khan hiếm và nhiễm mặn 09 tháng/năm, đa số người dân trên đảo đang mua nước ngọt và sạch tại các cơ sở lọc nước trên đảo hoặc mua, vận chuyển từ đất liền về để dùng hằng ngày.

Để đảm bảo chế độ chính sách của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định, UBND huyện Lý Sơn kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác và sinh sống trên địa bàn huyện (như huyện đảo Côn Côn tỉnh Quảng Trị đang được hưởng tại Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị kèm).

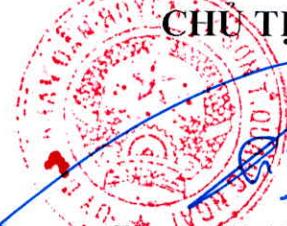
Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm, xem xét./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH


Phạm Thị Hương

NGHỊ QUYẾT

Quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch
đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế -
xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về
chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong
lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó
khăn;

Xét Tờ trình số 5383/TTr-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định thời gian hưởng
và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh
Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định thời gian hưởng và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước
ngot và sạch theo mùa đối với vùng thiểu nước ngọt và sạch ở vùng có điều kiện
kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại điểm a,
khoản 1 Điều này, bao gồm:

- Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc
biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Huyện đảo Cồn cỏ.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm cả trường hợp điều động, biệt phái, luân chuyển và không phân biệt người địa phương với người nơi khác đến) đã được xếp lương theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước quy định, đang công tác và đến công tác (theo sự phân công của cấp có thẩm quyền) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức (kể cả người tập sự) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

d) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

e) Người hưởng lương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Thực hiện theo Điều 3; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP

ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Mức trợ cấp, thời gian hưởng

1. Mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch: 370.000 đồng/người/tháng (*Ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn*).
2. Thời gian hỗ trợ: 06 tháng/năm, áp dụng từ ngày 01/01/2021.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện và trách nhiệm chi trả

1. Nguồn kinh phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 15, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Trách nhiệm chi trả: Chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch của đối tượng thuộc danh sách trả lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị nào do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó chi trả.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Quá trình thực hiện nếu giá nước kinh doanh, chi phí vận chuyển tăng hoặc giảm chênh lệch trên 20% và thời gian thiếu nước ngọt, sạch ở địa bàn thuộc phạm vi điều chỉnh có biến động thì Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung, thay đổi và thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 9 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBTƯQH, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT, DT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang